

**BỘ TÀI CHÍNH****THÔNG TƯ số 125/2004/TT-BTC  
ngày 24/12/2004 hướng dẫn  
thủ tục hải quan đối với hàng  
hóa vận tải đa phương thức  
quốc tế.**

*Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 được Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;*

*Căn cứ Điều 3 Nghị định số 125/2003/NĐ-CP ngày 29/10/2003 của Chính phủ về vận tải đa phương thức quốc tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận tải đa phương thức quốc tế như sau:*

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.** Hàng hóa vận tải đa phương thức quốc tế (sau đây gọi tắt là hàng hóa) phải làm thủ tục hải quan và chịu sự giám sát hải quan trong quá trình lưu giữ, vận chuyển qua lãnh thổ Việt Nam; hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu và giao trả hàng tại địa điểm ghi trong chứng từ vận chuyển đa phương thức.

**2.** Hàng hóa phải được chứa trong công ten nơ hoặc trong các loại phương tiện

vận tải, xe chuyên dụng đáp ứng được yêu cầu niêm phong hải quan. Hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng hóa là phương tiện vận chuyển không thể niêm phong được thì người vận chuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giữ nguyên trạng của hàng hóa trong suốt thời gian vận chuyển và lưu giữ tại Việt Nam.

**3.** Hàng hóa giao trả cho người nhận ở ngoài lãnh thổ Việt Nam được miễn kiểm tra thực tế hàng hóa, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật Hải quan.

**4.** Hàng hóa giao trả cho người nhận hàng tại Việt Nam phải làm thủ tục hải quan tại Hải quan cửa khẩu khác của khẩu nhập đầu tiên hoặc địa điểm thông quan nội địa (ICD). Thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng hóa thực hiện theo quy định tại Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hồ sơ hải quan, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu theo hợp đồng mua bán.

**II. THỦ TỤC HẢI QUAN**

**1. Chứng từ phải nộp khi làm thủ tục hải quan cho hàng hóa vận tải đa phương thức:**

- “Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức”: 01 bản sao có xác nhận của Giám đốc doanh nghiệp (nộp lần đầu khi làm thủ tục hải quan), xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Chứng từ vận tải đa phương thức

(theo mẫu đã được đăng ký với Bộ Giao thông vận tải): 01 bản chính.

- Bản kê khai hàng hóa vận tải đa phương thức (bao gồm các tiêu chí: số thứ tự, tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá): 01 bản chính

## **2. Hàng hóa giao trả cho người nhận hàng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:**

Thủ tục hải quan thực hiện như đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại điều 15 Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

## **3. Hàng hóa giao trả cho người nhận hàng tại các địa điểm thông quan nội địa (ICD) hoặc tại cửa khẩu khác nơi hàng nhập:**

3.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp vận tải đa phương thức:

- Nộp và xuất trình cho Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên các chứng từ nêu tại điểm 1 trên đây.

- Giữ nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan trong quá trình vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập đầu tiên về ICD hoặc cửa khẩu giao trả hàng cho người nhận.

- Luân chuyển chứng từ giữa Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên và Chi cục Hải quan nơi giao trả hàng cho người nhận.

3.2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập đầu tiên:

- Tiếp nhận hồ sơ chứng từ vận tải đa phương thức.

- Trách nhiệm khác thực hiện như quy định tại điểm 1.1 Mục 1 Phần III của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thủ tục hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu.

3.3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ICD hoặc cửa khẩu khác nơi hàng nhập:

- Thực hiện theo quy định tại điểm 1.2 Mục 1 Phần III bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu.

## **4. Hàng hóa xuất khẩu được làm thủ tục tại Địa điểm thông quan nội địa (ICD):**

4.1 Trách nhiệm của Hải quan ICD:

Thực hiện quy định tại điểm 1.2 Mục 2 Phần II bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.2. Trách nhiệm của hải quan cửa khẩu xuất:

Thực hiện theo quy định tại điểm 1.4 Mục 1 Phần II bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị Hải quan, các doanh nghiệp có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

### ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

**QUYẾT ĐỊNH số 15/2005/QĐ-UBTDTT ngày 07/01/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao về việc ban hành “Quy định khung về phong đẳng cấp vận động viên các môn thể thao”.**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN  
THỂ DỤC THỂ THAO

*Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thể dục Thể thao;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ TTTT Cao I, Vụ trưởng Vụ TTTT Cao II,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định khung về phong đẳng cấp vận động viên các môn thể thao” gồm 3 Chương, 8 Điều.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các Quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục thể thao; Giám đốc Sở Thể dục thể thao, Sở Văn hóa Thông tin và Thể dục thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao quốc gia và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN  
THỂ DỤC THỂ THAO

**Nguyễn Danh Thái**

**QUY ĐỊNH khung về phong đẳng cấp vận động viên quốc gia các môn thể thao**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 15/2005/QĐ-UBTDTT ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao).*